

TÀI LIỆU MINH HỌA QUYỀN LỢI BẢO HIỂM

UL2021 - QUYỀN LỢI BẢO HIỂM CƠ BẢN

Trọn vẹn ước mơ - Tương lai rộng mở



THÔNG TIN CHUNG VỀ SẢN PHẨM

Phú Hưng Thịnh Vượng không chỉ cung cấp cho khách hàng một công cụ tích lũy tài chính hiệu quả mà còn mang đến sự bảo vệ toàn diện trước những rủi ro không mong muốn.

➤ **Tích lũy tài chính hiệu quả**

- Được hưởng lãi từ kết quả đầu tư của Quỹ liên kết chung
- Được hưởng khoản Thưởng duy trì hợp đồng sau mỗi 5 năm của Hợp đồng và khoản Thưởng đặc biệt ở năm hợp đồng thứ 10 và 20
- Lãi suất cam kết hấp dẫn

➤ **Bảo vệ toàn diện**

- Được bảo vệ trọn đời (đến 99 tuổi)
- Có thể mở rộng phạm vi bảo vệ bằng cách tham gia các Sản phẩm bảo hiểm bổ trợ

➤ **Linh hoạt để phù hợp với nhu cầu và khả năng của khách hàng**

- Có thể tạm ngưng đóng phí mà vẫn được bảo vệ sau 3 năm đầu tiên
- Có thể rút tiền bất cứ lúc nào từ Giá trị tài khoản hợp đồng sau năm đầu tiên
- Có thể tăng/giảm Số tiền bảo hiểm hoặc hủy bỏ/tham gia thêm các Sản phẩm bảo hiểm bổ trợ

Chuyên viên Tư vấn tài chính:

Trần Thúy Diễm

Mã số Tư vấn tài chính:

60000753

Ngày in:

22/01/2021 - 13:40:22

Công ty cổ phần Bảo hiểm nhân thọ Phú Hưng (Phú Hưng Life) hoạt động kinh doanh Bảo hiểm nhân thọ theo Giấy phép thành lập và hoạt động số 69/GP/KDBH được Bộ Tài chính cấp ngày 30/08/2013 và Giấy phép điều chỉnh số 69/GPĐC6/KDBH ngày 25/06/2019 với vốn điều lệ là 1.523 tỉ đồng.

Phú Hưng Life hướng đến việc cung cấp giải pháp bảo vệ tương lai tài chính và sức khỏe toàn diện nhất nhằm mang lại cuộc sống thịnh vượng và hạnh phúc cho tất cả khách hàng.

TÀI LIỆU MINH HỌA QUYỀN LỢI BẢO HIỂM

UL2021 - QUYỀN LỢI BẢO HIỂM CƠ BẢN

Trọn vẹn ước mơ - Tương lai rộng mở



Đơn vị : Đồng

THÔNG TIN KHÁCH HÀNG

	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Tuổi bảo hiểm	Nhóm nghề nghiệp
Bên mua bảo hiểm (BMBH)	F40	Nữ	06/06/1979	40	1
Người được bảo hiểm (NĐBH)	F40	Nữ	06/06/1979	40	1

THÔNG TIN HỢP ĐỒNG BẢO HIỂM

Định kỳ đóng phí: hàng năm

	NĐBH	Thời hạn hợp đồng/ Thời hạn bảo hiểm [1]	Thời hạn đóng phí (dự kiến)	Số tiền bảo hiểm	Phí bảo hiểm [2]
Quyền lợi bảo hiểm cơ bản	F40	59	20	1,000,000,000	Cơ bản 21,740,000
				Tổng phí bảo hiểm	21,740,000

Phí đóng dự kiến [4]	Phí bảo hiểm dự kiến		Phí bảo hiểm cơ bản		Phí bảo hiểm bổ trợ		Phí bảo hiểm đóng thêm	
Năm hợp đồng đầu tiên	21,740,000		21,740,000		-		-	
Năm hợp đồng thứ hai	21,740,000	=	21,740,000	+	-	+	-	
Năm hợp đồng thứ ba	21,740,000		21,740,000		-		-	

Ghi chú:

[1] Đối với Sản phẩm bảo hiểm bổ trợ bị hủy bỏ giữa chừng theo dự kiến của khách hàng, Thời hạn bảo hiểm được minh họa ngắn hơn so với Thời hạn cam kết theo Quy tắc và Điều khoản.

[2] Phí bảo hiểm là tương ứng theo định kỳ đóng phí được chọn bởi khách hàng với điều kiện Người được bảo hiểm có sức khỏe bình thường theo tiêu chuẩn của Công ty.

[3] Phí đóng dự kiến là khoản tiền khách hàng dự kiến đóng trong tương lai tại thời điểm tham gia Hợp đồng bảo hiểm. Phí đóng dự kiến cho các năm hợp đồng thứ tư trở đi được thể hiện trong Bảng minh họa ở trang sau của Tài liệu này. Phí đóng thực tế có thể cao hơn hoặc thấp hơn phí đóng dự kiến tùy theo khả năng tài chính của khách hàng.

TÀI LIỆU MINH HỌA QUYỀN LỢI BẢO HIỂM

UL2021 - QUYỀN LỢI BẢO HIỂM CƠ BẢN

Trọn vẹn ước mơ - Tương lai rộng mở



THÔNG TIN QUYỀN LỢI CỦA HỢP ĐỒNG BẢO HIỂM

I. Quyền lợi bảo hiểm

	NĐBH	Sự kiện bảo hiểm	Số tiền chi trả khi xảy ra sự kiện bảo hiểm
Quyền lợi cơ bản	F40	Tử vong	Giá trị lớn hơn giữa Số tiền bảo hiểm (STBH) và Giá trị tài khoản cơ bản, cộng với Giá trị tài khoản đóng thêm
		Thương tật toàn bộ và vĩnh viễn	Giá trị lớn hơn giữa Số tiền bảo hiểm (STBH) và Giá trị tài khoản cơ bản, cộng với Giá trị tài khoản đóng thêm nếu NĐBH dưới 65 tuổi

II. Quyền lợi đầu tư

Quyền lợi hưởng lãi từ kết quả đầu tư

Hàng tháng GTTK sẽ được tính lãi theo mức Lãi suất đầu tư tại từng thời điểm, nhưng sẽ không thấp hơn mức lãi suất sau:

Năm hợp đồng	1 - 2	3	4 - 5	6 - 7	8 - 9	10+
Lãi suất tối thiểu cam kết	4.0%	3.5%	3.0%	2.5%	2.0%	1.0%

Quyền lợi thưởng duy trì hợp đồng

Vào Ngày kỷ niệm năm hợp đồng thứ 5 và mỗi 5 năm sau đó, nếu Phí bảo hiểm cơ bản của 5 năm hợp đồng liền trước đã được đóng đủ, GTTK sẽ được tăng thêm một khoản thưởng duy trì hợp đồng được xác định bằng 2,0% GTTK cơ bản bình quân của năm năm hợp đồng liền kề trước thời điểm xét thưởng.

Quyền lợi thưởng đặc biệt

Trong thời gian hiệu lực của Hợp đồng, vào Ngày kỷ niệm hợp đồng thứ mười (10) và hai mươi (20), một Khoản thưởng đặc biệt sẽ được phân bổ vào Giá trị tài khoản bảo vệ như sau:

Năm Hợp đồng	10			20
	Dưới 100 triệu	Từ 100 triệu đến dưới 300 triệu	Từ 300 triệu trở lên	Từ 300 triệu trở lên
% Phí bảo hiểm cơ bản quy năm	100%	225%	300%	300%

Quyền lợi đáo hạn

Đến Ngày đáo hạn hợp đồng, toàn bộ GTTK sẽ được chi trả.

60000753 Ngày in: 22/01/2021 - 13:40:22

Tài liệu minh họa này không phải là Hợp đồng bảo hiểm và chỉ có giá trị sử dụng khi có đầy đủ số trang.

Trang: 3 / 6

TÀI LIỆU MINH HỌA QUYỀN LỢI BẢO HIỂM

UL2021 - QUYỀN LỢI BẢO HIỂM CƠ BẢN

Trộn vụn ước mơ - Tương lai rộng mở



Đơn vị: 1,000 đồng

BẢNG MINH HỌA GIÁ TRỊ TÀI KHOẢN HỢP ĐỒNG VÀ QUYỀN LỢI [1]

Năm HĐ	Tuổi NĐBH	Tổng phí bảo hiểm hàng năm	Giá trị đảm bảo với mức lãi suất cam kết tối thiểu					Giá trị minh họa ở mức lãi suất dự kiến 6%/năm					Giá trị minh họa ở mức lãi suất dự kiến 7%/năm					Khoản tiền rút ra [3]
			Thường duy trì hợp đồng/ đặc biệt	Giá trị tài khoản cơ bản	Giá trị tài khoản đóng thêm	Giá trị hoàn lại [2]	QLBH từ vong/ TTTBVV	Thường duy trì hợp đồng/ đặc biệt	Giá trị tài khoản cơ bản	Giá trị tài khoản đóng thêm	Giá trị hoàn lại [2]	QLBH từ vong/ TTTBVV	Thường duy trì hợp đồng/ đặc biệt	Giá trị tài khoản cơ bản	Giá trị tài khoản đóng thêm	Giá trị hoàn lại [2]	QLBH từ vong/ TTTBVV	
1	40	21,740	-	3,835	-	-	1,000,000	-	3,934	-	0	1,000,000	-	3,984	-	0	1,000,000	-
2	41	21,740	-	9,852	-	-	1,000,000	-	10,231	-	0	1,000,000	-	10,394	-	0	1,000,000	-
3	42	21,740	-	22,503	-	9,459	1,000,000	-	23,606	-	10,562	1,000,000	-	24,019	-	10,975	1,000,000	-
4	43	21,740	-	41,589	-	31,806	1,000,000	-	44,022	-	34,239	1,000,000	-	44,897	-	35,114	1,000,000	-
5	44	21,740	554	61,276	-	54,754	1,000,000	589	66,035	-	59,513	1,000,000	601	67,621	-	61,099	1,000,000	-
6	45	21,740	-	80,676	-	77,415	1,000,000	-	88,560	-	85,299	1,000,000	-	91,118	-	87,857	1,000,000	-
7	46	21,740	-	99,817	-	99,817	1,000,000	-	112,207	-	112,207	1,000,000	-	116,033	-	116,033	1,000,000	-
8	47	21,740	-	119,093	-	119,093	1,000,000	-	137,043	-	137,043	1,000,000	-	142,470	-	142,470	1,000,000	-
9	48	21,740	-	137,119	-	137,119	1,000,000	-	163,147	-	163,147	1,000,000	-	170,544	-	170,544	1,000,000	-
10	49	21,740	51,282	206,338	-	206,338	1,000,000	51,681	242,276	-	242,276	1,000,000	51,797	252,171	-	252,171	1,000,000	-
11	50	21,740	-	224,982	-	224,982	1,000,000	-	274,566	-	274,566	1,000,000	-	287,830	-	287,830	1,000,000	-
12	51	21,740	-	243,556	-	243,556	1,000,000	-	308,640	-	308,640	1,000,000	-	325,858	-	325,858	1,000,000	-
13	52	21,740	-	262,040	-	262,040	1,000,000	-	344,612	-	344,612	1,000,000	-	366,437	-	366,437	1,000,000	-
14	53	21,740	-	280,413	-	280,413	1,000,000	-	382,613	-	382,613	1,000,000	-	409,773	-	409,773	1,000,000	-
15	54	21,740	5,238	303,868	-	303,868	1,000,000	6,933	429,700	-	429,700	1,000,000	7,384	463,461	-	463,461	1,000,000	-
16	55	21,740	-	322,023	-	322,023	1,000,000	-	472,670	-	472,670	1,000,000	-	513,595	-	513,595	1,000,000	-
17	56	21,740	-	339,979	-	339,979	1,000,000	-	518,186	-	518,186	1,000,000	-	567,310	-	567,310	1,000,000	-
18	57	21,740	-	357,711	-	357,711	1,000,000	-	566,465	-	566,465	1,000,000	-	624,948	-	624,948	1,000,000	-
19	58	21,740	-	375,200	-	375,200	1,000,000	-	617,761	-	617,761	1,000,000	-	686,907	-	686,907	1,000,000	-
20	59	21,740	72,369	464,809	-	464,809	1,000,000	76,610	748,979	-	748,979	1,000,000	77,806	831,451	-	831,451	1,000,000	-
21	60	-	-	461,698	-	461,698	1,000,000	-	790,043	-	790,043	1,000,000	-	886,960	-	886,960	1,000,000	-
22	61	-	-	457,892	-	457,892	1,000,000	-	833,917	-	833,917	1,000,000	-	947,031	-	947,031	1,000,000	-
23	62	-	-	453,311	-	453,311	1,000,000	-	880,900	-	880,900	1,000,000	-	1,012,184	-	1,012,184	1,012,184	-
24	63	-	-	447,844	-	447,844	1,000,000	-	931,337	-	931,337	1,000,000	-	1,082,290	-	1,082,290	1,082,290	-
25	64	-	-	441,351	-	441,351	1,000,000	-	985,633	-	985,633	1,000,000	-	1,157,304	-	1,157,304	1,157,304	-
26	65	-	-	433,669	-	433,669	1,000,000	-	1,043,976	-	1,043,976	1,043,976	-	1,237,568	-	1,237,568	1,237,568	-
31	70	-	-	370,447	-	370,447	1,000,000	-	1,392,886	-	1,392,886	1,392,886	-	1,731,457	-	1,731,457	1,731,457	-
36	75	-	-	237,540	-	237,540	1,000,000	-	1,859,806	-	1,859,806	1,859,806	-	2,424,162	-	2,424,162	2,424,162	-
41	80	-	-	-	-	-	-	-	2,484,650	-	2,484,650	2,484,650	-	3,395,717	-	3,395,717	3,395,717	-
46	85	-	-	-	-	-	-	-	3,320,833	-	3,320,833	3,320,833	-	4,758,373	-	4,758,373	4,758,373	-
51	90	-	-	-	-	-	-	-	4,439,835	-	4,439,835	4,439,835	-	6,669,568	-	6,669,568	6,669,568	-
56	95	-	-	-	-	-	-	-	5,937,311	-	5,937,311	5,937,311	-	9,350,118	-	9,350,118	9,350,118	-
59	98	-	-	-	-	-	-	-	7,069,066	-	7,069,066	7,069,066	-	11,451,895	-	11,451,895	11,451,895	-
Tổng cộng/ Cộng dồn		434,800	129,444			-		135,813	7,069,066	-	7,069,066	7,069,066	137,588	11,451,895	-	11,451,895	11,451,895	-

Ghi chú:

[1] Các số liệu minh họa trên đây là dựa trên giả định rằng toàn bộ phí bảo hiểm dự tính đã được đóng đầy đủ, đúng hạn và Người được bảo hiểm có sức khỏe bình thường theo tiêu chuẩn của Công ty.

[2] Giá trị hoàn lại là số tiền khách hàng nhận được khi yêu cầu chấm dứt hợp đồng trước hạn. Giá trị hoàn lại được xác định bằng GTTK trừ đi Phí chấm dứt hợp đồng trước hạn (được mô tả ở trang sau).

[3] Khoản tiền rút ra được minh họa là trước khi trừ Phí rút tiền từ GTTK (được mô tả ở trang sau). Sau khi rút tiền thì STBH có thể được điều chỉnh giảm tương ứng.

TÀI LIỆU MINH HỌA QUYỀN LỢI BẢO HIỂM



UL2021 - QUYỀN LỢI BẢO HIỂM CƠ BẢN

Trọn vẹn ước mơ - Tương lai rộng mở

BẢNG MINH HỌA PHÂN BỐ PHÍ, GIÁ TRỊ TÀI KHOẢN HỢP ĐỒNG [1]

Năm HĐ	Tuổi NĐBH	Phí bảo hiểm dự kiến				Các khoản khấu trừ				GTTK tại mức lãi suất cam kết tối thiểu	GTTK tại mức lãi suất dự kiến 6%/năm	GTTK tại mức lãi suất dự kiến 7%/năm
		Tổng phí bảo hiểm hàng năm	Phí BH cơ bản	Phí BH hỗ trợ	Phí BH đóng thêm	Phí ban đầu	Phí quản lý hợp đồng	Phí BH rủi ro [2]	Phí BH rủi ro hỗ trợ			
1	40	21,740	21,740	-	-	15,218	408	2,478	-	3,835	3,934	3,984
2	41	21,740	21,740	-	-	13,044	408	2,651	-	9,852	10,231	10,394
3	42	21,740	21,740	-	-	6,522	432	2,832	-	22,503	23,606	24,019
4	43	21,740	21,740	-	-	435	456	3,015	-	41,589	44,022	44,897
5	44	21,740	21,740	-	-	435	480	3,202	-	61,276	66,035	67,621
6	45	21,740	21,740	-	-	435	504	3,391	-	80,676	88,560	91,118
7	46	21,740	21,740	-	-	435	528	3,590	-	99,817	112,207	116,033
8	47	21,740	21,740	-	-	435	552	3,787	-	119,093	137,043	142,470
9	48	21,740	21,740	-	-	435	576	3,979	-	137,119	163,147	170,544
10	49	21,740	21,740	-	-	435	600	4,170	-	206,338	242,276	252,171
11	50	21,740	21,740	-	-	435	624	4,055	-	224,982	274,566	287,830
12	51	21,740	21,740	-	-	435	648	4,180	-	243,556	308,640	325,858
13	52	21,740	21,740	-	-	435	672	4,297	-	262,040	344,612	366,437
14	53	21,740	21,740	-	-	435	696	4,398	-	280,413	382,613	409,773
15	54	21,740	21,740	-	-	435	720	4,497	-	303,868	429,700	463,461
16	55	21,740	21,740	-	-	435	720	4,506	-	322,023	472,670	513,595
17	56	21,740	21,740	-	-	435	720	4,536	-	339,979	518,186	567,310
18	57	21,740	21,740	-	-	435	720	4,505	-	357,711	566,465	624,948
19	58	21,740	21,740	-	-	435	720	4,389	-	375,200	617,761	686,907
20	59	21,740	21,740	-	-	435	720	4,161	-	464,809	748,979	831,451
21	60	-	-	-	-	-	720	3,031	-	461,698	790,043	886,960
22	61	-	-	-	-	-	720	2,696	-	457,892	833,917	947,031
23	62	-	-	-	-	-	720	2,233	-	453,311	880,900	1,012,184
24	63	-	-	-	-	-	720	1,618	-	447,844	931,337	1,082,290
25	64	-	-	-	-	-	720	810	-	441,351	985,633	1,157,304
26	65	-	-	-	-	-	720	49	-	433,669	1,043,976	1,237,568
31	70	-	-	-	-	-	720	-	-	370,447	1,392,886	1,731,457
36	75	-	-	-	-	-	720	-	-	237,540	1,859,806	2,424,162
41	80	-	-	-	-	-	720	-	-	-	2,484,650	3,395,717
46	85	-	-	-	-	-	720	-	-	-	3,320,833	4,758,373
51	90	-	-	-	-	-	720	-	-	-	4,439,835	6,669,568
56	95	-	-	-	-	-	720	-	-	-	5,937,311	9,350,118
59	98	-	-	-	-	-	720	-	-	-	7,069,066	11,451,895
Tổng cộng/		434,800	434,800	0	-	42,176	39,984	87,058	0	0	7,069,066	11,451,895

Ghi chú:

[1] Các số liệu minh họa trên đây là dựa trên giả định rằng toàn bộ phí bảo hiểm dự tính đã được đóng đầy đủ, đúng hạn và Người được bảo hiểm có sức khỏe bình thường theo tiêu chuẩn của Công

[3] Phí bảo hiểm rủi ro được minh họa là tương ứng với GTTK ở mức lãi suất 6%/năm.

TÀI LIỆU MINH HỌA QUYỀN LỢI BẢO HIỂM

UL2021 - QUYỀN LỢI BẢO HIỂM CƠ BẢN

Trọn vẹn ước mơ - Tương lai rộng mở



CÁC LOẠI PHÍ ĐANG ÁP DỤNG

1. Phí ban đầu

Được khấu trừ từ Phí bảo hiểm cơ bản, Phí bảo hiểm bổ trợ và Phí bảo hiểm đóng thêm trước khi phân bổ vào GTTK, với tỷ lệ % như sau:

Năm đóng phí	1	2	3	4	5	6+
Phí bảo hiểm cơ bản của sản phẩm chính	70%	60%	30%	2%	2%	2%
Phí bảo hiểm cơ bản của sản phẩm bổ trợ	60%	40%	20%	6%	4%	2%
Phí bảo hiểm đóng thêm	2%	2%	2%	2%	2%	2%

2. Phí bảo hiểm rủi ro

Được khấu trừ hàng tháng từ GTTK vào các Ngày kỷ niệm tháng hợp đồng để đảm bảo chi trả QL BH chính và Sản phẩm bảo hiểm bổ trợ.

3. Phí quản lý hợp đồng

Được khấu trừ hàng tháng từ GTTK vào các Ngày kỷ niệm tháng hợp đồng, với mức khấu trừ vào năm 2021 là 34.000 đồng. Sau năm 2021, Phí quản lý hợp đồng được điều chỉnh theo tỷ lệ lạm phát năm liền trước nhưng sẽ không vượt quá mức 60.000/tháng.

4. Phí rút tiền từ GTTK cơ bản

Được khấu trừ từ khoản tiền được yêu cầu rút ra từ GTTK cơ bản và được xác định là (khoản tiền dự kiến rút từ Giá trị tài khoản cơ bản / Giá trị hoàn lại của Giá trị tài khoản cơ bản) * Phí chấm dứt hợp đồng trước hạn.

5. Phí rút tiền từ GTTK đóng thêm

Công ty không tính phí rút tiền từ GTTK đóng thêm.

6. Phí chấm dứt Hợp đồng trước thời hạn

Phí phát sinh khi khách hàng yêu cầu chấm dứt Hợp đồng trước hạn, tính theo % của Phí bảo hiểm cơ bản quy năm của năm đầu tiên như sau:

Năm hợp đồng	1	2	3	4	5	6	7
Phí bảo hiểm cơ bản quy năm	90%	75%	60%	45%	30%	15%	0%

7. Phí quản lý quỹ

Được khấu trừ từ kết quả đầu tư thực tế của Quỹ liên kết chung với cam kết không quá 2%/năm.

CÁC QUYỀN CỦA BÊN MUA BẢO HIỂM

1. Tăng hoặc giảm STBH

Sau Năm hợp đồng đầu tiên, BMBH có thể yêu cầu tăng hoặc giảm Số tiền bảo hiểm.

2. Thay đổi các Sản phẩm bảo hiểm bổ trợ

Trong thời gian Hợp đồng có hiệu lực BMBH có thể yêu cầu hủy bỏ hoặc tham gia thêm (các) Sản phẩm bảo hiểm bổ trợ.

3. Rút tiền từ GTTK

Sau Năm hợp đồng đầu tiên, BMBH có thể yêu cầu rút tiền từ GTTK và nhận lại số tiền bằng với khoản tiền yêu cầu rút ra trừ đi phí rút tiền được mô tả như trên.

4. Chấm dứt Hợp đồng trước thời hạn

Sau Năm hợp đồng đầu tiên, BMBH có thể yêu cầu chấm dứt Hợp đồng trước thời hạn và nhận lại số tiền bằng với GTTK trừ đi Phí chấm dứt Hợp đồng trước thời hạn. **Tuy nhiên, BMBH không nên chấm dứt Hợp đồng trước thời hạn trong những năm đầu tiên vì phí phải trả là khá cao (xem bảng Phí chấm dứt Hợp đồng trước thời hạn ở trên).**

TÀI LIỆU MINH HỌA QUYỀN LỢI BẢO HIỂM

UL2021 - QUYỀN LỢI BẢO HIỂM CƠ BẢN

Trọn vẹn ước mơ - Tương lai rộng mở



THÔNG TIN DOANH NGHIỆP	THÔNG TIN LIÊN HỆ
Công ty cổ phần Bảo hiểm nhân thọ Phú Hưng (Phú Hưng Life) hoạt động kinh doanh Bảo hiểm nhân thọ theo Giấy phép thành lập và hoạt động số 69/GP/KDBH được Bộ Tài chính cấp ngày 30/08/2013 và Giấy phép điều chỉnh số 69/GPĐC1/KDBH ngày 21/03/2016 với vốn điều lệ là 683 tỉ đồng. Các cổ đông chính bao gồm: Công ty Phú Mỹ Hưng, Công ty bảo hiểm phi nhân thọ Phú Hưng và Công ty CX Technology dưới sự điều hành của Tíng Family – một gia đình được biết đến qua những thành công nổi bật trong kinh doanh và những đóng góp đáng kể cho xã hội Việt Nam suốt 25 năm qua.	Công ty cổ phần Bảo hiểm nhân thọ Phú Hưng Trụ sở chính: Tầng 5, CR3-05 A, 109 Tôn Dật Tiên, Tân Phú, Quận 7, TP. HCM Phone: (84-8) 5413 7199 Email: vn.customer@phuhunglife.com Fax: (84-8) 5413 6995 Website: www.phuhunglife.com

XÁC NHẬN CỦA TƯ VẤN TÀI CHÍNH	XÁC NHẬN CỦA BÊN MUA BẢO HIỂM
Tôi, người ký tên dưới đây, xác nhận đã giải thích đầy đủ và đã tư vấn cho khách hàng có tên nêu trên về chi tiết của Bảng minh họa này và nội dung của Quy tắc và Điều khoản của Hợp đồng bảo hiểm.	1. Tôi hiểu Giá trị tài khoản hợp đồng phụ thuộc vào mức Lãi suất đầu tư thực tế, Phí bảo hiểm thực đóng và số tiền rút ra. Vì vậy Giá trị tài khoản hợp đồng thực tế có thể cao hơn hoặc thấp hơn giá trị ghi ở bảng minh họa. 2. Tôi hiểu rõ Hợp đồng bảo hiểm sẽ mất hiệu lực nếu không đóng đủ các khoản Phí bảo hiểm cơ bản và Phí bảo hiểm hỗ trợ trong 3 năm đầu tiên hoặc Giá trị tài khoản hợp đồng không đủ để chi trả các Khoản khấu trừ hàng tháng. 3. Tôi hiểu rằng Phí quản lý hợp đồng, Phí bảo hiểm rủi ro và Phí bảo hiểm rủi ro hỗ trợ sẽ được trừ vào mỗi Ngày kỷ niệm tháng hợp đồng từ Giá trị tài khoản hợp đồng. 4. Tôi hiểu rằng Tài liệu minh họa này không phải là Hợp đồng bảo hiểm. 5. Tôi xác nhận đã được tư vấn để lựa chọn giải pháp phù hợp với nhu cầu tài chính của bản thân. 6. Tôi xác nhận đã đọc cẩn thận và đã được tư vấn đầy đủ các nội dung chi tiết của Tài liệu minh họa cũng như là Quy tắc và Điều khoản của Hợp đồng bảo hiểm.
Ngày in : 22/01/2021 - 13:40:22 Chữ ký : _____ Trần Thúy Diễm Mã số TVTC: 60000753	Ngày ký : _____ Chữ ký : _____ F40

PHỤ LỤC MINH HỌA QUYỀN LỢI BẢO HIỂM



DANH SÁCH THƯƠNG TẬT VÀ TỶ LỆ CHI TRẢ

STT	Loại thương tật do tai nạn	Tỷ lệ chi trả theo STBH
1	Mất hai tay, hoặc hai chân, hoặc hai mắt	100%
2	Mất một tay và một chân, hoặc một tay và một mắt, hoặc một chân và một mắt	100%
3	Tỷ lệ phần trăm tổn thương cơ thể do tai nạn hoặc mất sức lao động vĩnh viễn với tỷ lệ trên 80%	100%
4	Mất một tay, hoặc một chân, hoặc một mắt	50%
5	Câm (câm hoàn toàn và không thể hồi phục)	50%
6	Mất thính lực (điếc hoàn toàn và không thể hồi phục)	25% mỗi tai
7	Cụt đốt (mất hoàn toàn) ngón tay cái	3% mỗi đốt
8	Cụt đốt (mất hoàn toàn) ngón tay trỏ	2% mỗi đốt
9	Cụt đốt (mất hoàn toàn) các ngón tay khác	1% mỗi đốt
10	Cụt đốt (mất hoàn toàn) ngón chân cái	2% mỗi đốt
11	Cụt đốt (mất hoàn toàn) các ngón chân khác	1% mỗi đốt
12	Vỡ một hoặc nhiều phần xương sọ hoặc chấn thương sọ não cần phẫu thuật mở hộp sọ	10%
13	Gãy một hoặc hai xương hàm (xương hàm dưới và xương hàm trên)	4%
14	Gãy một hoặc nhiều xương mặt khác	2%
15	Gãy thân một hoặc nhiều đốt sống	10%
16	Gãy thân một hoặc nhiều xương chậu (trừ xương cùng)	4%
17	Gãy xương vai	3%
18	Gãy xương cánh tay	2%
19	Gãy xương trụ	2%
20	Gãy xương quay	2%
21	Gãy xương đòn	2%
22	Gãy một hoặc nhiều xương sườn	1%
23	Gãy một hoặc nhiều xương cổ tay, xương đốt bàn tay hoặc xương đốt ngón tay	1%
24	Gãy thân hoặc cổ xương đùi	6%
25	Gãy thân xương chày	4%
26	Gãy thân xương mác	2%
27	Gãy xương bánh chè	2%
28	Vỡ sụn chêm giữa hay bên khớp gối	2%
29	Gãy xương mắt cá giữa hoặc bên, xương sên hoặc xương gót chân	2%
30	Gãy một hoặc nhiều xương đốt bàn chân hoặc xương đốt ngón chân	1%
31	Chấn thương tủy có chỉ định phẫu thuật	4%
32	Thủng dạ dày, ruột non hoặc ruột già	4%
33	Vỡ lách do chấn thương và có chỉ định phẫu thuật	4%
34	Vỡ gan do chấn thương và có chỉ định phẫu thuật	4%
35	Tràn máu màng phổi do chấn thương bên ngoài	4%
36	Vỡ thận do chấn thương thận và có chỉ định phẫu thuật	4% mỗi thận
37	Rách hoặc đứt niệu đạo	3%
38	Rách thành bàng quang	3%
39	Đứt một niệu quản	2%
40	Đứt hoàn toàn một hoặc nhiều dây chằng đầu gối	2%

DANH SÁCH BỆNH HIỂM NGHÈO VÀ TỶ LỆ CHI TRẢ

Nhóm	STT	Bệnh hiểm nghèo	Tỷ lệ chi trả theo STBH
1	1	Bệnh Alzheimer	100%
	2	Phẫu thuật động mạch chủ	
	3	U não lành tính	
	4	Mù hai mắt	
	5	Bệnh gan mãn tính	
	6	Bệnh phổi tắc nghẽn mãn tính	
	7	Phẫu thuật bắc cầu động mạch vành	
	8	Viêm gan siêu vi thể tối cấp	
	9	Chấn thương sọ não	
	10	Phẫu thuật thay van tim	
	11	Suy thận	
	12	Ung thư đe dọa tính mạng	
	13	Bỏng nặng	
	14	Thương tật nghiêm trọng	
	15	Ghép cơ quan chính	
	16	Viêm màng não do vi khuẩn	
	17	Nhồi máu cơ tim	
	18	Bệnh Parkinson	
	19	Bại liệt	
	20	Viêm đa khớp dạng thấp	
	21	Viêm não nặng	
	22	Đột quỵ	
	23	Xơ gan giai đoạn cuối	
	24	Bệnh nặng giai đoạn cuối	
2	25	Thiếu máu bất sản	200%
	26	Ghép tủy	
	27	Bệnh chân voi	
	28	Mất thính lực hai tai	
	29	Mất hai chi	
	30	Bệnh nang ở tủy thận	
	31	Đa xơ cứng	
	32	Bệnh loạn dưỡng cơ	
	33	Viêm cân mạc hoại tử	
	34	Tăng áp động mạch phổi nguyên phát	
	35	Bệnh teo cơ tủy	
	36	Bệnh Lupus ban đỏ hệ thống	
3	37	Xơ cứng cột bên teo cơ	300%
	38	Hôn mê	
	39	Mất thanh	
	40	Liệt hai chi	

PHỤ LỤC MINH HỌA QUYỀN LỢI BẢO HIỂM



DANH SÁCH BỆNH, PHẪU THUẬT VÀ TỶ LỆ CHI TRẢ

STT	Danh mục bệnh	Tỷ lệ chi trả theo STBH	Ghi chú
	Ung thư giai đoạn đầu		
1	Ung thư biểu mô tại chỗ của vú	25%	<i>Quyền lợi được chi trả lên đến 04 lần trong suốt Thời hạn bảo hiểm.</i>
2	Ung thư biểu mô tại chỗ của tử cung		
3	Ung thư biểu mô tại chỗ của cổ tử cung		
4	Ung thư biểu mô buồng trứng giai đoạn sớm		
5	Ung thư biểu mô tại chỗ của ống dẫn trứng		
6	Ung thư biểu mô tại chỗ của âm đạo		
7	Ung thư biểu mô tại chỗ của âm hộ		
8	Ung thư biểu mô da giai đoạn sớm		
	Phẫu thuật điều trị, phục hồi do ung thư		
1	Phẫu thuật cắt bỏ vú	25%	<i>Quyền lợi được chi trả lên đến 04 lần trong suốt Thời hạn bảo hiểm.</i>
2	Phẫu thuật tạo hình vú		
3	Phẫu thuật cắt bỏ tử cung		
4	Phẫu thuật ghép da do ung thư da		
	Phẫu thuật điều trị, phục hồi do tai nạn		
5	Phẫu thuật tạo hình mặt do tai nạn	200%	<i>Sau khi quyền lợi này được chi trả, sản phẩm bảo trợ sẽ chấm dứt hiệu lực.</i>
6	Phẫu thuật ghép da do bỏng		
	Ung thư giai đoạn sau		
1	Ung thư vú	200%	<i>Sau khi quyền lợi này được chi trả, sản phẩm bảo trợ sẽ chấm dứt hiệu lực.</i>
2	Ung thư tử cung		
3	Ung thư cổ tử cung		
4	Ung thư buồng trứng		
5	Ung thư ống dẫn trứng		
6	Ung thư âm đạo		
7	Ung thư âm hộ		
8	Ung thư tế bào hắc tố của da		

DANH SÁCH BIẾN CHỨNG THAI SẴN VÀ TỶ LỆ CHI TRẢ

STT	Danh mục bệnh	Tỷ lệ chi trả theo STBH	Ghi chú
	Biến chứng thai sản		
1	Sản giật	50%	<i>Quyền lợi được chi trả lên đến 02 lần trong suốt Thời hạn bảo hiểm.</i>
2	Đông máu nội mạch lan tỏa		
3	Thai lạc chỗ (thai ngoài tử cung)		
4	Thai trứng		
5	Thai lưu		<i>Thời gian loại trừ bảo hiểm của quyền lợi bảo hiểm biến chứng thai sản là hai trăm bảy mươi (270) ngày.</i>
6	Thiếu ối		
7	Gan nhiễm mỡ cấp		
8	Sảy thai do tai nạn		

NHỮNG GHI CHÚ KHI THAM GIA
QUYỀN LỢI TĂNG CƯỜNG VÀ HỖ TRỢ CHI PHÍ NÀM VIỆN

Dưới đây là những lưu ý khi tham gia Quyền lợi tăng cường - Hỗ trợ chi phí nằm viện
1. Thời hạn bảo hiểm của quyền lợi tăng cường này là một năm (01) tính từ Ngày hiệu lực của Quyền lợi bảo hiểm tăng cường và có thể được tái tục hàng năm theo quy định tại Điều 5 của Điều khoản tăng cường - Hỗ trợ chi phí nằm viện.
Trong trường hợp Quyền lợi tăng cường - Hỗ trợ chi phí nằm viện được tái tục thì Phí bảo hiểm của Quyền lợi tăng cường này sẽ không thay đổi.
2. "Bệnh viện" được quy định là bệnh viện tuyến trung ương hoặc tuyến tỉnh hoặc tuyến huyện hay cấp tương đương theo phân cấp của Bộ Y tế Việt Nam, hay bệnh viện cấp tương đương nếu ở ngoài lãnh thổ Việt Nam.
Ngoài ra, Bệnh viện phải được đăng ký hoạt động hợp pháp và tư cách pháp nhân của bệnh viện phải được thể hiện bằng chữ "bệnh viện" trên con dấu chính thức của bệnh viện.